

Số: 111/2025/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Chu Thị Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 207/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 84/2025/QĐST-VLĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Hồ Minh N, sinh năm: 1990; thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1993; thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Số F khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Hồ Minh N trình bày:* Từ tháng 11/2010 đến tháng 10/2015, ông N làm việc tại Công ty CP T và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) 7910449508. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011, ông Hồ Minh N cho ông Hồ Thanh S mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ BHXH 7410063900. Ông Hồ Minh N xác định người

ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Đ là ông Hồ Thanh S. Do hiểu biết pháp luật hạn chế, để ông Hồ Thanh S tìm được việc làm có thu nhập nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình nên ông Hồ Minh N mới cho mượn chứng minh nhân dân để đi xin việc. Vì vậy, ông Hồ Minh N bị trùng bảo hiểm xã hội trong thời gian cho ông Hồ Thanh S mượn thông tin cá nhân để làm việc. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm xã hội, ông Hồ Minh N yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Hồ Minh N (do ông Hồ Thanh S là người ký kết) với Công ty TNHH Đ trong khoảng thời gian làm từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011 là vô hiệu. Ông Hồ Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Thanh S thống nhất trình bày của ông Hồ Minh N. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm của ông Hồ Minh N, ông Hồ Thanh S đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động theo đơn yêu cầu của ông Hồ Minh N. Ông Hồ Thanh S không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 xác định: Ông Hồ Minh N có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) tại các sổ sổ BHXH: Từ tháng 11/2010 đến tháng 10/2015, ông Hồ Minh N tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ BHXH 7910449508 tại Công ty CP T. Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011, ông Hồ Minh N tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ BHXH 7410063900 tại Công ty TNHH Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Đ không có ý kiến gì.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu ông Hồ Minh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh S, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH Đ vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Hồ Minh N là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Hồ Minh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu, ông Hồ Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH Đ vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011, người lao động tên Hồ Minh N giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ và được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số sổ BHXH 7410063900. Tuy nhiên, ông Hồ Minh N và ông Hồ Thanh S đều thừa nhận

người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ và thực tế làm việc tại công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011 là ông Hồ Thanh S (do ông Hồ Minh N cho ông Hồ Thanh S mượn chứng minh nhân dân để xin việc làm).

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông Hồ Minh N và ông Hồ Thanh S phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở T. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2010 đến tháng 10/2015, ông Hồ Minh N đang làm việc tại Công ty CP T và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7910449508. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011 là ông Hồ Thanh S, không phải là ông Hồ Minh N.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”*. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền”* và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”*. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *“...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”*. Do đó, có cơ sở xác định việc ông Hồ Thanh S mượn hồ sơ cá nhân của ông Hồ Minh N để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410063900 từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011 tại Công ty TNHH Đ là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Minh N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Hồ Minh N với

Công ty TNHH Đ (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410063900) bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Minh N về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH Đ trong giai đoạn từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2011 là ông Hồ Thanh S, không phải là ông Hồ Minh N. Ông Hồ Minh N và ông Hồ Thanh S có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410063900.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Hồ Minh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 146, 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, các Điều 50, 51 và 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Hồ Minh N.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Hồ Minh N với Công ty TNHH Đ (Theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410063900) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410063900 không phải là ông Hồ Minh N, sinh năm 1990; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 087090009023. Ông Hồ Minh N và ông Hồ Thanh S được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410063900.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Hồ Minh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0006915 ngày 01/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền

kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16,
- TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16,
- TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Chu Thị Vân